TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 479/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Thanh K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ A, ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông K, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông K trình bày:

Ông với bà L chung sống vợ chồng vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Sau khoảng thời gian sống chung thì giữa vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn ngày

càng nhiều, ông cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong suốt thời gian chung sống, vợ chồng ông đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau trong cuộc sống hằng ngày, do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, ông không thể nào sống chung với bà L được nữa, nên ông với bà L đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Hiện tại vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên ông khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 2001. Hai cháu T và H đã thành niên, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông K, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K, bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông K, bà L chung sống vợ chồng vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K với bà L.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông K, bà L có hai người con chung tên Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 2001. Xét hai cháu T và H đã thành niên và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác định không có tài sản chung và nợ chung; bà L không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 14, và 15 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Thanh K với bà Nguyễn Thị L.

2. Án phí: Ông Phạm Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017999 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông K đã thi hành xong án phí.

3. Ông K, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức